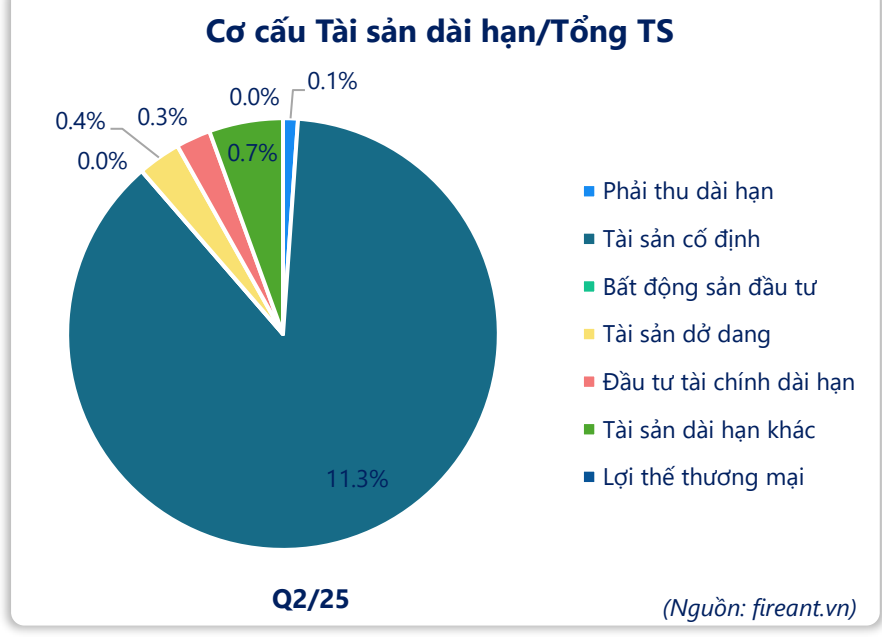
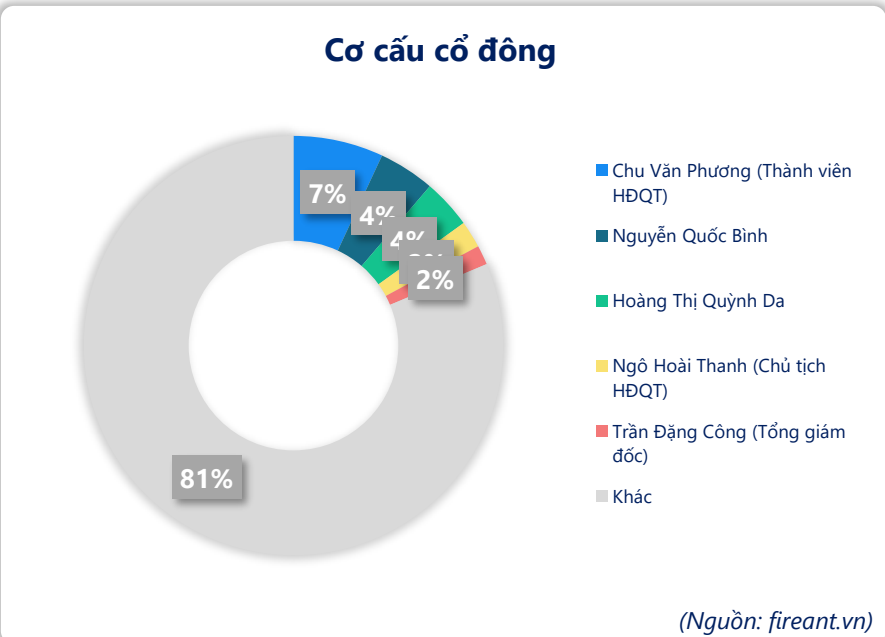
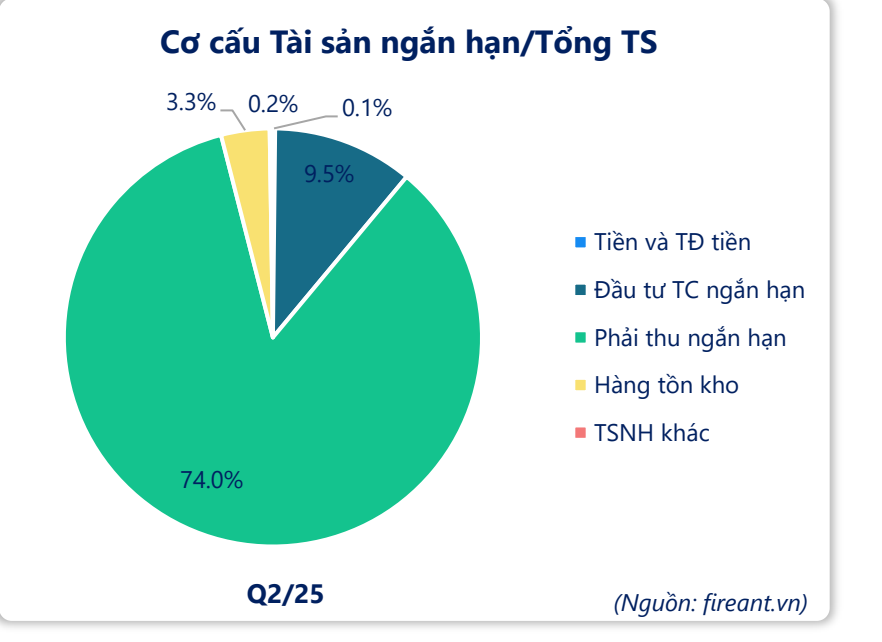
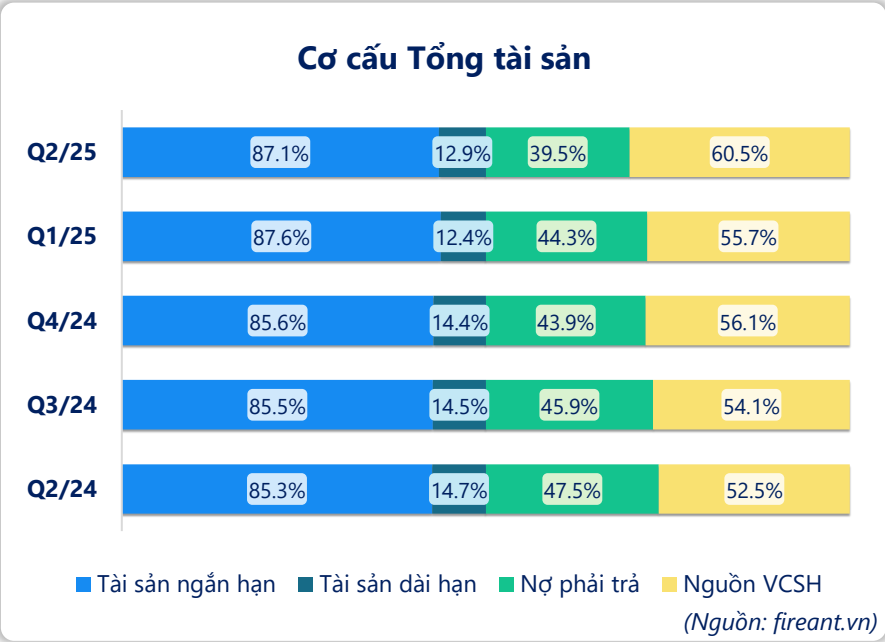
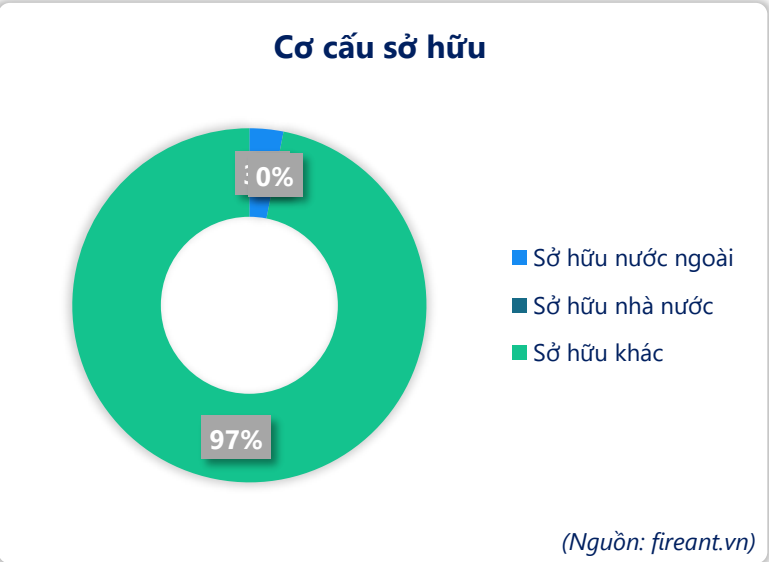
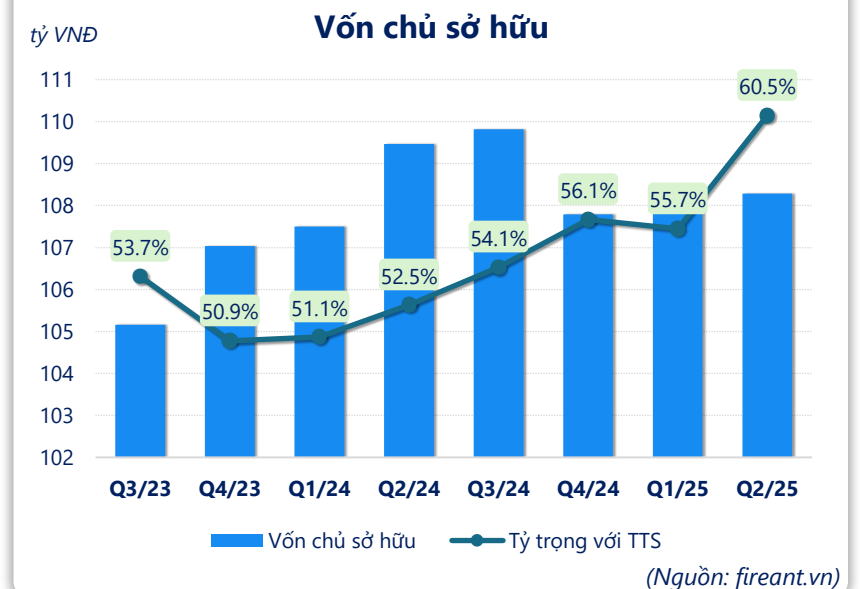
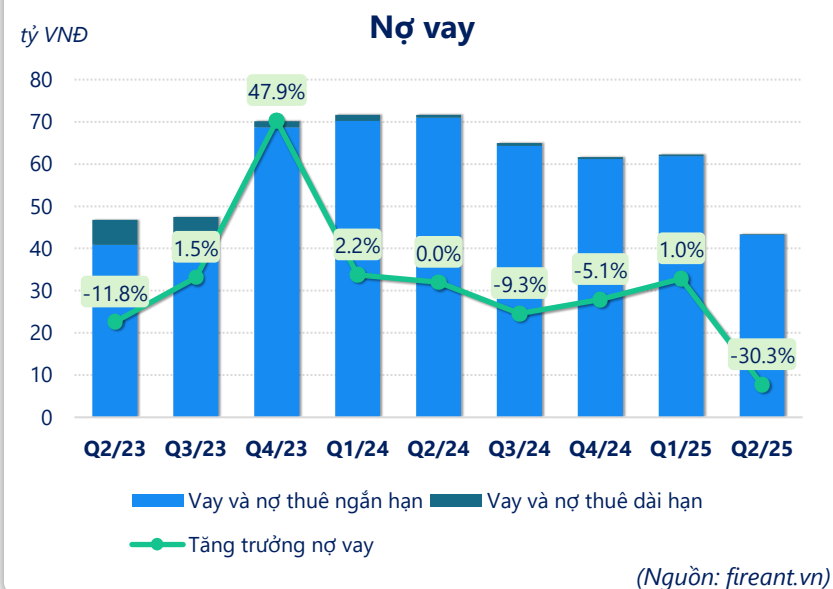
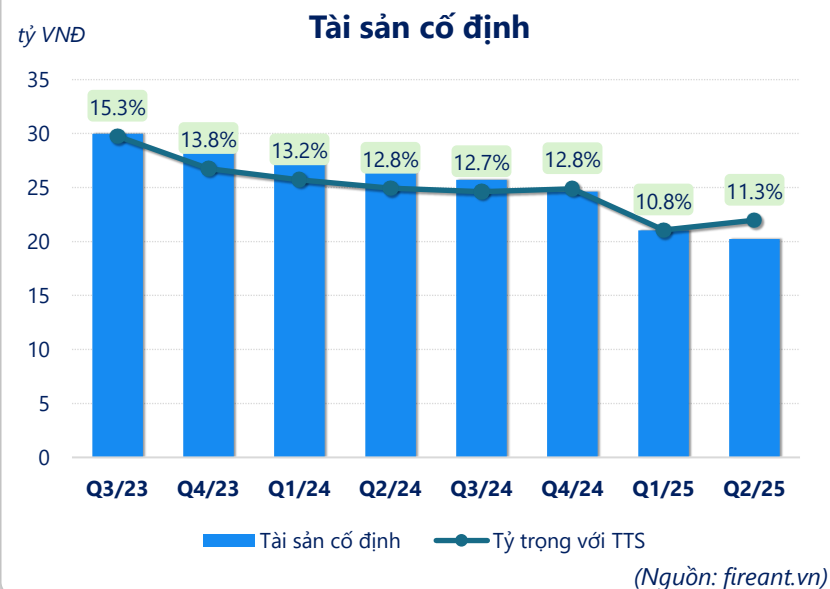
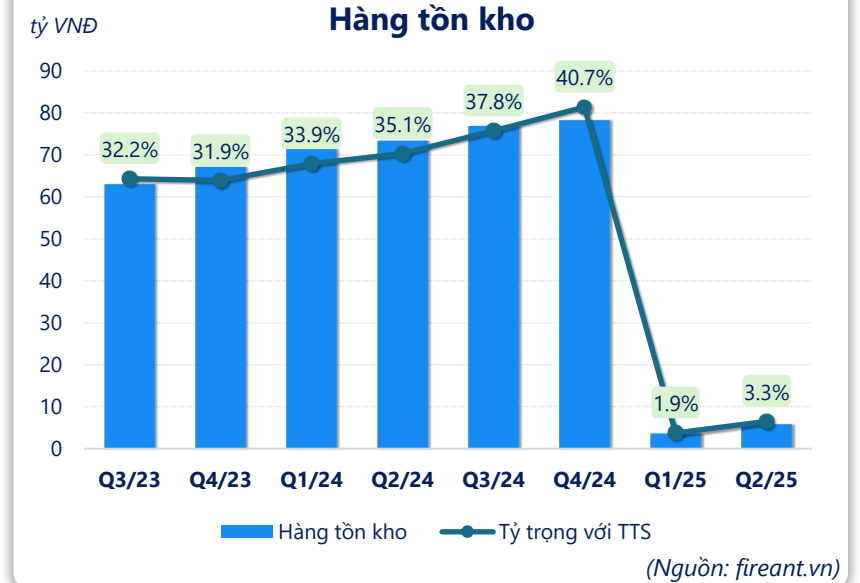
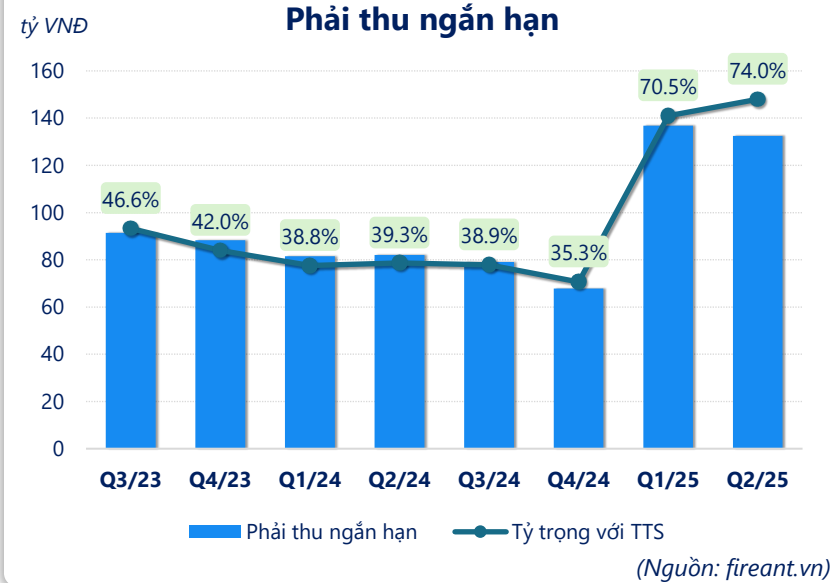
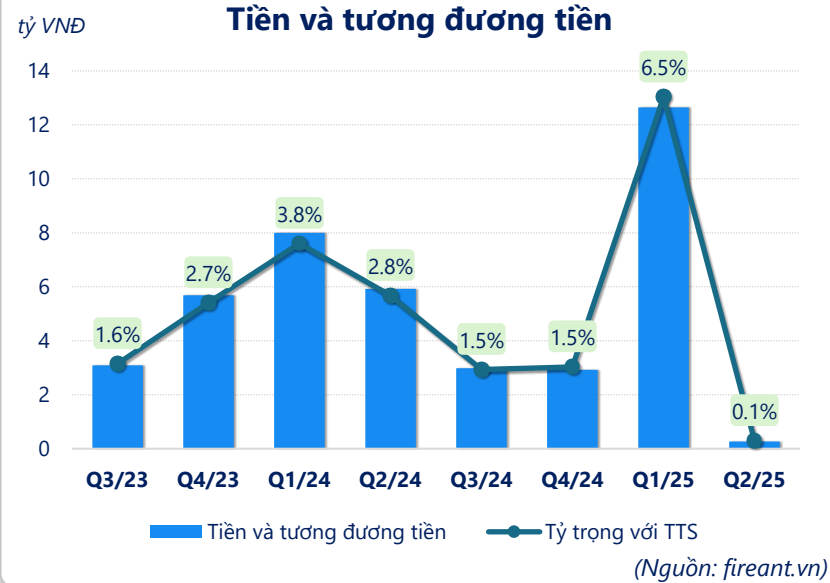
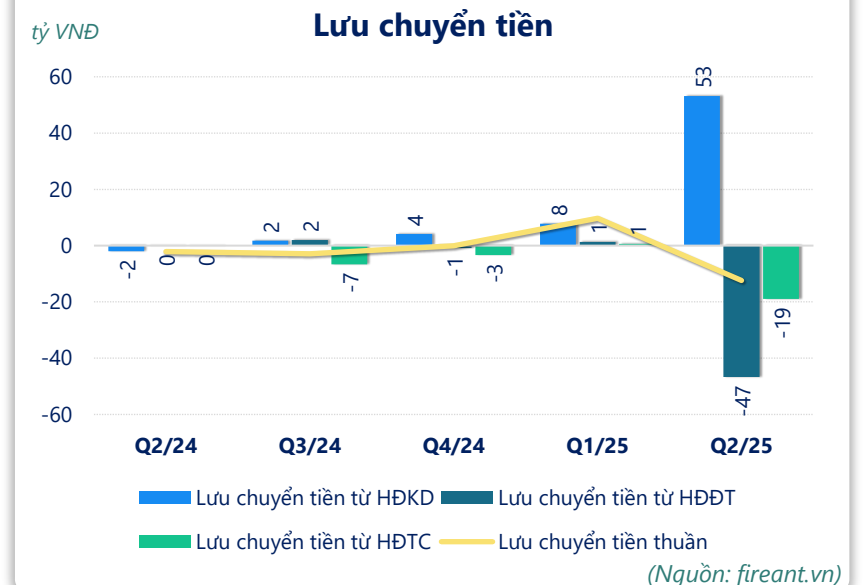
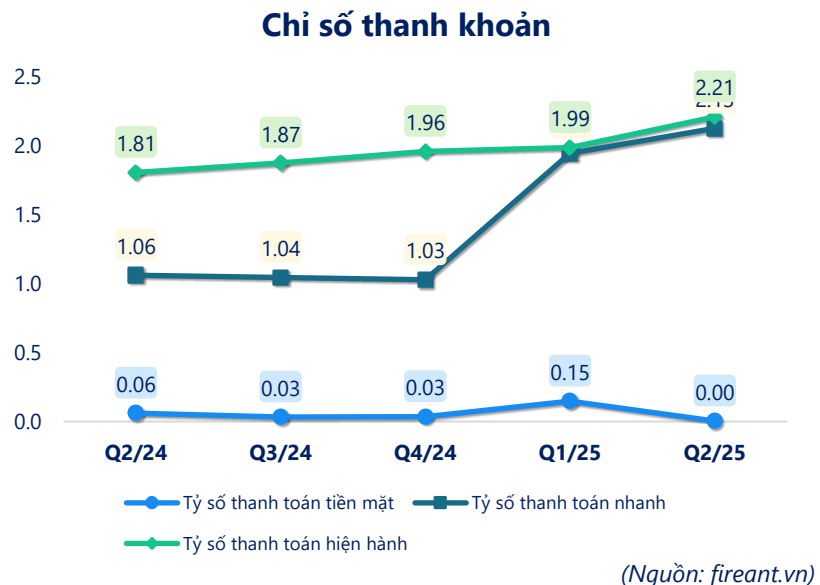
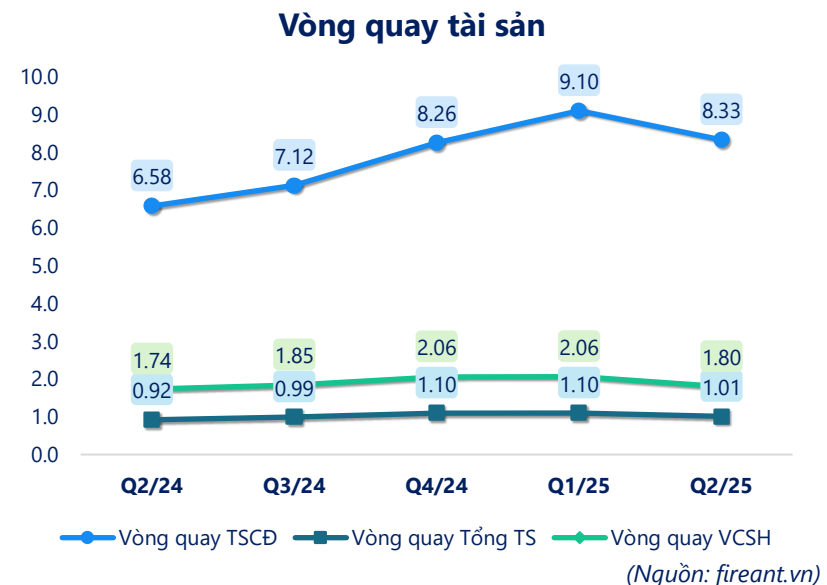
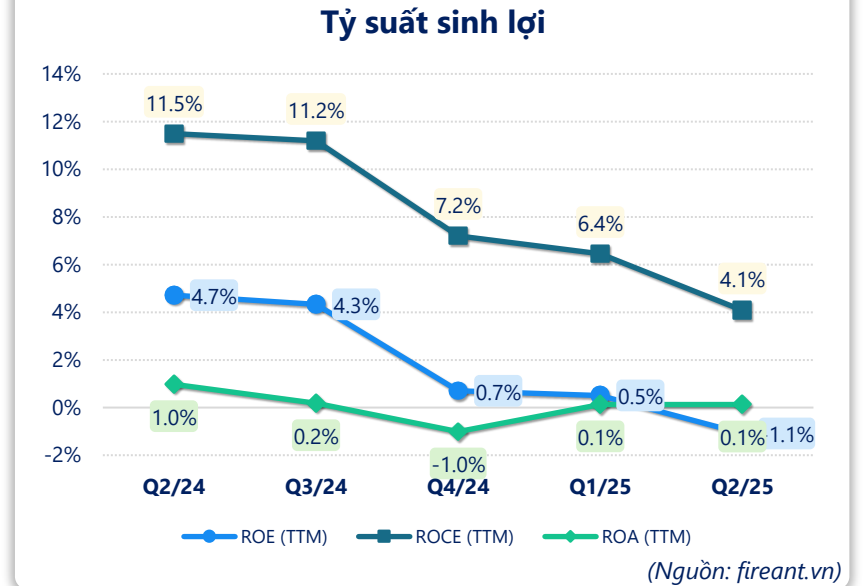
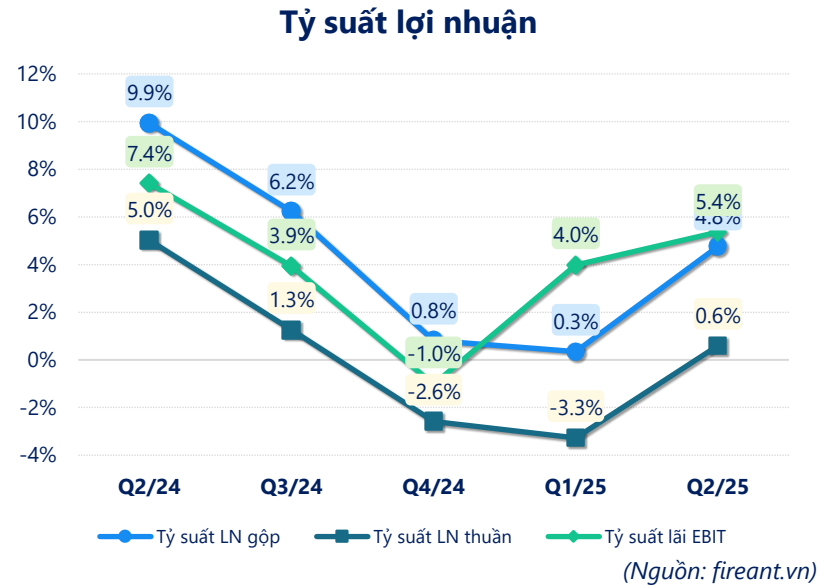
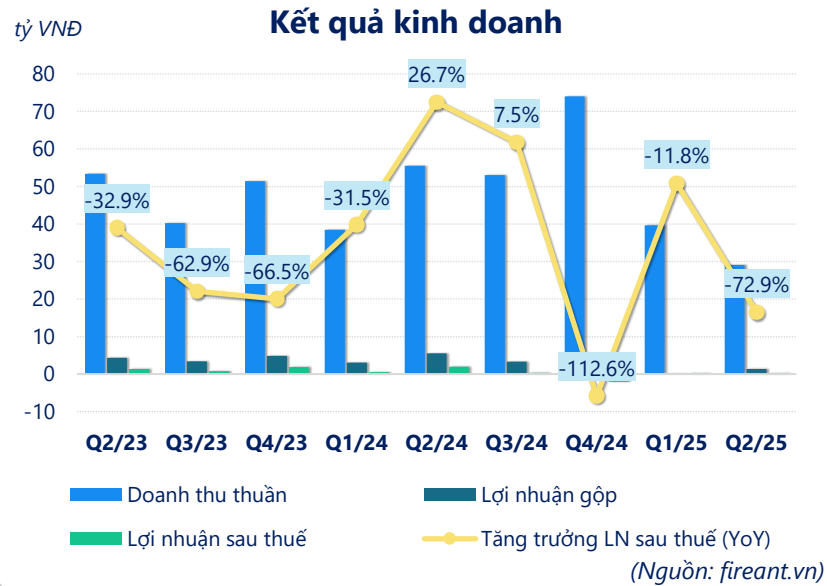


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,500
SL cổ phiếu LH		9,464,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)		129,021
% sở hữu nước ngoài		3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		55
P/E		-46.4
EPS		-125

	YTD	1T	3T	6T
PGN	-61.3%	-6.5%	-52.5%	-60.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	179	192	-6.9%
Tài sản ngắn hạn	156	165	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	0.27	2.92	-90.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.0	15.4	10.1%
Phải thu ngắn hạn	132	67.9	95.2%
Hàng tồn kho	5.85	78.2	-92.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.18	119%
Tài sản dài hạn	23.1	27.7	-16.4%
Phải thu dài hạn	0.26	0.40	-35.8%
Tài sản cố định	20.2	24.6	-17.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.75	0.75	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.60	0.60	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.28	1.30	-1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.8	84.5	-16.2%
Nợ ngắn hạn	70.6	84.0	-16.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.2	61.2	-29.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.4	19.5	24.8%
Nợ dài hạn	0.18	0.44	-58.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.18	0.44	-58.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	108	108	0.5%
Vốn chủ sở hữu	108	108	0.5%
Vốn điều lệ	94.6	94.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	55.5	53.0	74.0	39.7	29.0
Giá vốn hàng bán	50.0	49.7	73.4	39.5	27.7
Lợi nhuận gộp	5.51	3.30	0.60	0.14	1.38
Doanh thu HĐTC	0.22	0.11	-0.06	0.17	0.52
Chi phí TC	1.58	1.41	1.34	1.06	1.17
Chi phí lãi vay	1.58	1.41	1.34	1.06	1.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.21	0.18	0.11	0.01	0
Chi phí QLDN	1.16	1.14	1.01	0.54	0.56
LN thuần từ HĐKD	2.79	0.67	-1.91	-1.30	0.17
Lợi nhuận khác	-0.26	0.00	-0.18	1.82	0.21
LN trước thuế	2.53	0.67	-2.10	0.52	0.39
Lợi nhuận sau thuế	1.97	0.35	-2.03	0.26	0.24
LNST của CĐ cty mẹ	1.97	0.35	-2.03	0.26	0.24

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.01	1.78	4.13	7.82	53.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.04	1.94	-0.86	1.28	-46.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.03	-6.65	-3.34	0.63	-18.9
Tiền đầu kỳ	8.00	5.92	2.98	2.92	12.6
Lưu chuyển tiền thuần	-2.08	-2.94	-0.07	9.73	-12.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.92	2.98	2.92	12.6	0.27

(Nguồn: fireant.vn)